

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM  
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 1209/19 /DBT  
Về việc công bố thông tin BCTC tổng hợp  
đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2019

Bến Tre, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 6A3, quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TPHCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại : 0283.622.0205 – 0275.3900057 Fax : 0275.3.829528
6. Người được ủy quyền công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cấp Tiên.
7. Nội dung của thông tin công bố :
  - 7.1. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được lập ngày 25 tháng 7 năm 2019 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

**Tổng Giám đốc**



**PHẠM THỬ TRIỆU**

**Nơi nhận :**

- Như trên ;
- Lưu : HCNS.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>13 - 43</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>44</b>

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (0275) 813 447 – 822 429 – 829 528
- Fax : (0275) 824 248

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre



Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019

**Ban kiểm toán nội bộ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

04498  
ÔNG T  
NHÌEM H  
JÁN VÀ T  
& C  
-T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thứ Triệu**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1234/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2019, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>342.057.317.935</b>	<b>361.962.068.683</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.343.173.129</b>	<b>14.241.693.134</b>
1. Tiền	111		12.308.275.059	14.207.544.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.898.070	34.148.955
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.135.860.204</b>	<b>17.180.771.233</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	17.135.860.204	17.180.771.233
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.419.787.162</b>	<b>160.933.512.770</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	126.713.063.436	137.159.883.328
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	161.372.126	2.859.679.103
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.677.335.395	21.045.934.134
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(131.983.795)	(131.983.795)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>161.478.654.606</b>	<b>164.119.192.717</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	161.849.568.603	164.560.618.782
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(370.913.997)	(441.426.065)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.679.842.834</b>	<b>5.486.898.829</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.069.578.174	1.072.969.680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.610.264.660	4.413.929.149
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>181.119.771.129</b>	<b>181.268.719.293</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.007.630.962</b>	<b>2.378.739.140</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.007.630.962	2.378.739.140
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.541.439.836</b>	<b>22.099.540.654</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.445.794.140	17.793.642.352
- Nguyên giá	222		43.987.392.393	43.948.582.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.541.598.253)	(26.154.940.586)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.095.645.696	4.305.898.302
- Nguyên giá	228		5.923.653.777	5.923.653.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.828.008.081)	(1.617.755.475)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>138.505.837.580</b>	<b>138.582.337.580</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	90.330.902.580	90.330.902.580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	48.108.225.000	48.108.225.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.710.000	66.710.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	76.500.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.064.862.751</b>	<b>18.208.101.919</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.064.862.751	18.208.101.919
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>523.177.089.064</b>	<b>543.230.787.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>345.218.180.872</b>	<b>372.118.891.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>330.387.535.342</b>	<b>361.822.843.498</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	109.097.876.044	118.784.185.282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		117.488.322	27.720.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.881.394.516	4.067.783.901
4. Phải trả người lao động	314	V.14	35.845.415	1.076.820.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.323.360.000	2.201.752.632
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	898.758.978	10.736.857.781
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	215.844.455.635	221.179.857.027
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.008.356.432	3.584.229.123
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.830.645.530</b>	<b>10.296.048.149</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	14.298.711.637	9.922.703.232
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	93.000.000	93.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	438.933.893	280.344.917
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.958.908.192</b>	<b>171.111.896.329</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>177.908.908.192</b>	<b>171.061.896.329</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	42.812.963.433	35.965.951.570
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		35.032.696.261	35.965.951.570
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.780.267.172	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.21	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>523.177.089.064</b>	<b>543.230.787.976</b>



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	322.216.092.990	335.510.067.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.240.484.896	3.772.071.744
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		318.975.608.094	331.737.995.542
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	245.134.393.593	258.313.217.904
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.841.214.501	73.424.777.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.400.038.752	3.121.078.220
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.182.793.831	9.563.596.717
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.832.694.939	6.279.186.509
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	43.300.774.783	43.217.689.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.665.184.139	15.522.453.524
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.092.500.500	8.242.116.217
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.024.389.997	1.465.095.343
12. Chi phí khác	32	VI.9	16.330.759	159.315.049
13. Lợi nhuận khác	40		1.008.059.238	1.305.780.294
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.100.559.738	9.547.896.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.161.703.590	2.138.167.248
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	158.588.976	272.128.976
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.780.267.172</u>	<u>7.137.600.287</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.100.559.738	9.547.896.511
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	1.596.910.273	1.821.672.170
- Các khoản dự phòng	03	V.7	153.948.530	852.367.917
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	262.688.811	3.715.345
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(113.424.022)	(2.027.349.499)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.832.694.939	6.279.186.509
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.833.378.269	16.477.488.953
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.250.301.399	(20.596.144.652)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.486.589.581	1.499.709.592
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.155.485.468)	(21.486.023.847)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.853.369.326)	(7.498.715.829)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.832.694.939)	(6.279.186.509)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2.597.443.001)	(2.166.974.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(3.509.128.000)	(279.872.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.622.148.515</b>	<b>(40.329.718.592)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(38.809.455)	(1.985.822.590)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.409.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(994.030.794)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		621.411.029	2.032.685.831
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.105.925.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.105.967	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		113.424.022	336.569.499
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.634.222.472</b>	<b>(1.716.523.054)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	260.877.903.597	269.400.643.474
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(266.213.304.989)	(233.337.324.461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16a	(9.819.489.600)	(18.111.451.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15.154.890.992)</b>	<b>17.951.867.513</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.898.520.005)</b>	<b>(24.094.374.133)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>14.241.693.134</b>	<b>43.853.544.855</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>12.343.173.129</b>	<b>19.759.170.722</b>



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	53,53%	53,53%	53,53%
Công ty Cổ phần Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%

*Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	23,14%	23,14%	23,14%

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 357 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 363 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê của từng lô đất thuê.

### *Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng*

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## **11. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dùng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

## **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

### 22. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.091.840.220	1.605.237.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.216.434.839	12.602.307.095
Các khoản tương đương tiền <sup>(i)</sup>	34.898.070	34.148.955
<b>Cộng</b>	<b><u>12.343.173.129</u></b>	<b><u>14.241.693.134</u></b>

- <sup>(i)</sup> Khoản tiền gửi có thời hạn 1 tháng (lãi nhập vốn) tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để bảo đảm cho các hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.135.860.204</b>	<b>17.135.860.204</b>	<b>17.180.771.233</b>	<b>17.180.771.233</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	2.135.860.204	2.135.860.204	2.180.771.233	2.180.771.233
Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>76.500.000</b>	<b>76.500.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	-	-	76.500.000	76.500.000
<b>Cộng</b>	<b>17.135.860.204</b>	<b>17.135.860.204</b>	<b>17.257.271.233</b>	<b>17.257.271.233</b>

(i) Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng trị giá 1.635.860.204 VND (số đầu năm là 2.257.271.233 VND) đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

(ii) Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>90.330.902.580</b>	-	-	<b>90.330.902.580</b>	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	38.157.394.580	-	-	38.157.394.580	-	-
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	52.173.508.000	-	-	52.173.508.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>48.108.225.000</b>	-	-	<b>48.108.225.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	48.108.225.000	-	-	48.108.225.000	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>66.710.000</b>	-	<b>329.400.000</b>	<b>66.710.000</b>	-	<b>260.550.000</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	-	329.400.000	66.710.000	-	260.550.000
<b>Cộng</b>	<b>138.505.837.580</b>	-	-	<b>138.505.837.580</b>	-	-

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</b>		
Mua hàng hóa	9.574.114.963	9.773.798.400
Bán hàng hóa	97.770.755	367.843.184
Mua cổ phiếu	-	1.105.925.000
<b>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</b>		
Mua hàng hóa	9.639.461.636	11.707.634.541
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</b>		
Mua hàng hóa	3.311.754	22.602.871
Bán hàng hóa	550.627.168	572.051.190
Nhận cổ tức	-	1.690.780.000

#### *Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp*

Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phiếu đầu tư vào các công ty sau để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17):

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.
- Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>251.350.020</b>	<b>340.175.246</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	12.728.100	115.085.252
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	238.621.920	225.089.994
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>126.461.713.416</b>	<b>136.819.708.082</b>
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	4.003.745.150	9.121.445.642
Ông Phí Văn Gừng <sup>(i)</sup>	-	3.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng <sup>(ii)</sup>	6.800.000.000	7.000.000.000
Các khách hàng khác	115.657.968.266	117.398.262.440
<b>Cộng</b>	<b>126.713.063.436</b>	<b>137.159.883.328</b>

(i) Các khoản phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng nhà văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

(ii) Khoản phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng nhà văn phòng tại Chi nhánh Hà Nội (số đầu năm là 6.909.090.909 VND).

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị tối thiểu là 70 tỷ VND đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	24.440.790	314.586.855
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh sáng Châu Á	84.361.336	74.782.320
Công ty Cổ phần Thương mại V.F.B	-	1.235.346.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	-	850.000.000
Các nhà cung cấp khác	52.570.000	384.963.928
<b>Cộng</b>	<b><u>161.372.126</u></b>	<b><u>2.859.679.103</u></b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>179.097.000</b>	-	<b>830.045.352</b>	-
Thành viên Ban điều hành – tạm ứng	35.000.000	-	42.000.000	-
Thành viên Ban điều hành – chi hộ thuế thu nhập cá nhân	-	-	312.678.352	-
Thành viên Hội đồng quản trị – chi hộ thuế thu nhập cá nhân	144.097.000	-	475.367.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>17.498.238.395</b>	-	<b>20.215.888.782</b>	-
Tạm ứng	6.338.589.597	-	4.749.406.356	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng <sup>(i)</sup>	6.824.858.213	-	10.086.388.170	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	238.221.000	-	-	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn khác	79.050.000	-	-	-
Ông Lê Cộng Hòa - phải thu về chuyển nhượng cổ phần <sup>(ii)</sup>	2.700.095.280	-	2.700.095.280	-
Ông Lê Ánh Tuấn - phải thu về chuyển nhượng cổ phần <sup>(ii)</sup>	1.300.027.984	-	1.300.027.984	-
Các khoản chi hộ thuế thu nhập cá nhân	17.396.321	-	1.298.720.672	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác <sup>(iii)</sup>	-	-	81.250.320	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.677.335.395</u></b>	-	<b><u>21.045.934.134</u></b>	-

(i) Khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

(ii) Các khoản phải thu liên quan đến hoạt động giải thể Công ty Cổ phần Dược phẩm OC và chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Long An.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>95.938.480</b>	-	<b>59.679.262</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	95.938.480	-	59.679.262	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.911.692.482</b>	-	<b>2.319.059.878</b>	-
Công ty Cổ phần Sơn và Chất dẻo - tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	-	1.140.000.000	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng <sup>(i)</sup>	1.771.692.482	-	940.838.878	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	-	-	238.221.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.007.630.962</b>	-	<b>2.378.739.140</b>	-

<sup>(i)</sup> Khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

#### 6. Nợ quá hạn

Công ty có các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dưới 6 tháng	32.868.182.668	32.868.182.668	35.488.639.718	35.488.639.718
Từ 6 tháng đến 1 năm	8.728.747.479	8.728.747.479	2.754.555.948	2.754.555.948
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.080.636.214	1.080.636.214	4.653.635.867	4.653.635.867
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	601.251.583	601.251.583	829.759.958	829.759.958
Trên 3 năm	590.732.580	458.748.785	367.764.292	235.780.497
<b>Cộng</b>	<b>43.869.550.524</b>	<b>43.737.566.729</b>	<b>44.094.355.783</b>	<b>43.962.371.988</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	15.959.176.861	-	13.578.860.666	-
Nguyên liệu, vật liệu <sup>(i)</sup>	940.226.224	-	899.911.862	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.439.158	-	170.991.971	-
Hàng hóa <sup>(i)</sup>	144.738.726.360	(370.913.997)	149.910.854.283	(441.426.065)
<b>Cộng</b>	<b>161.849.568.603</b>	<b>(370.913.997)</b>	<b>164.560.618.782</b>	<b>(441.426.065)</b>

<sup>(i)</sup> Trong đó, giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển và hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) có thời hạn sử dụng dưới 01 năm tại thời điểm cuối kỳ là 2.186.314.603 VND (số đầu năm là 932.517.942 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 150 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	441.426.065	905.034.484
Trích lập dự phòng bổ sung	153.948.530	852.367.917
Xuất hủy trong kỳ	(224.460.598)	(378.105.807)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>370.913.997</b>	<b>1.379.296.594</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	195.209.611	164.585.528
Chi phí thuê văn phòng	466.251.250	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.408.117.313	908.384.152
<b>Cộng</b>	<b>2.069.578.174</b>	<b>1.072.969.680</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước <sup>(i)</sup>	10.932.995.456	11.137.826.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	459.029.690	668.370.341
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.173.665.728	6.326.061.734
Chi phí tư vấn chuyển nhượng quyền phân phối sản phẩm “Cà phê Xuyên Hương dạng cốm”	1.416.666.668	-
Quyền phân phối sản phẩm “Cà phê Xuyên Hương dạng cốm”	41.666.666	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	40.838.543	75.843.007
<b>Cộng</b>	<b>19.064.862.751</b>	<b>18.208.101.919</b>

(i) Trong đó, một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.883.535.188 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	17.881.891.515	8.243.985.087	10.708.269.235	7.114.437.101	43.948.582.938
Mua trong kỳ	-	38.809.455	-	-	38.809.455
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.881.891.515</b>	<b>8.282.794.542</b>	<b>10.708.269.235</b>	<b>7.114.437.101</b>	<b>43.987.392.393</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.130.100.581	1.936.402.340	4.656.758.964	3.246.395.517	15.969.657.402
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.305.422.023	4.226.154.424	6.348.434.442	6.274.929.697	26.154.940.586
Khấu hao trong kỳ	408.478.311	391.953.141	347.149.555	239.076.660	1.386.657.667
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.713.900.334</b>	<b>4.618.107.565</b>	<b>6.695.583.997</b>	<b>6.514.006.357</b>	<b>27.541.598.253</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	8.576.469.492	4.017.830.663	4.359.834.793	839.507.404	17.793.642.352
Số cuối kỳ	<b>8.167.991.181</b>	<b>3.664.686.977</b>	<b>4.012.685.238</b>	<b>600.430.744</b>	<b>16.445.794.140</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.312.846.533 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.302.988.457	1.620.665.320	5.923.653.777
Số cuối kỳ	<b>4.302.988.457</b>	<b>1.620.665.320</b>	<b>5.923.653.777</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	782.496.962	835.258.513	1.617.755.475
Khấu hao trong kỳ	43.878.864	166.373.742	210.252.606
Số cuối kỳ	<b>826.375.826</b>	<b>1.001.632.255</b>	<b>1.828.008.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.520.491.495	785.406.807	4.305.898.302
Số cuối kỳ	<b>3.476.612.631</b>	<b>619.033.065</b>	<b>4.095.645.696</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.17).

**11. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối kỳ	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối kỳ	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

## 12. Phải trả người bán

### 12a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>317.520</b>	<b>5.874.483.600</b>
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	-	5.874.483.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	317.520	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>109.097.558.524</b>	<b>112.909.701.682</b>
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	43.706.116.425	47.149.882.009
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	10.528.523.289	3.747.253.396
Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	11.531.677.523	6.939.508.496
Các nhà cung cấp khác	43.331.241.287	55.073.057.781
<b>Cộng</b>	<b><u>109.097.876.044</u></b>	<b><u>118.784.185.282</u></b>

### 12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang – bên liên quan <sup>(i)</sup>	8.534.642.845	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái – bên liên quan <sup>(ii)</sup>	5.764.068.792	9.922.703.232
<b>Cộng</b>	<b><u>14.298.711.637</u></b>	<b><u>9.922.703.232</u></b>

(i) Theo Phụ lục số 02 Hợp đồng số 05/04/2019/HDMB-SP ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre và Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.

(ii) Theo Phụ lục số 02/2019/Bepharco – Ypharco ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre và Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

### 12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	223.609.129	2.320.598.192	(1.505.508.276)	1.038.699.045
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.352.993.754	(6.352.993.754)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	107.926.165	(107.926.165)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.139.251	2.161.703.590	(2.597.443.001)	810.399.840
Thuế thu nhập cá nhân	2.148.755.521	1.005.297.741	(3.121.757.631)	32.295.631
Thuế nhà đất	449.280.000	2.505.525	(451.785.525)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	19.519.150	(19.519.150)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.067.783.901</b>	<b>11.970.544.117</b>	<b>(14.156.933.502)</b>	<b>1.881.394.516</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế: 5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác: 10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.100.559.738	9.547.896.511
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.652.669.500	1.891.670.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(931.211.290)	-
Thu nhập chịu thuế	10.822.017.948	11.439.566.511
Thu nhập được miễn thuế	(13.500.000)	(1.690.780.000)
Thu nhập tính thuế	10.808.517.948	9.748.786.511
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.161.703.590</b>	<b>1.949.757.302</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>188.409.946</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.161.703.590</b>	<b>2.138.167.248</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	1.323.360.000	2.063.486.222
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	138.266.410
<b>Cộng</b>	<b><u>1.323.360.000</u></b>	<b><u>2.201.752.632</u></b>

#### 16. Phải trả khác

##### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.500.000</i>	<i>5.258.848.000</i>
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	19.500.000	87.163.200
Thành viên hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	1.760.765.600
Các cá nhân có liên quan với các thành viên hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	-	3.410.919.200
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>879.258.978</i>	<i>5.478.009.781</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	43.325.176
Kinh phí công đoàn	48.813.002	63.143.629
Bảo hiểm xã hội	121.850.273	124.662.540
Cổ tức phải trả	388.929.950	4.969.071.550
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238.221.000	238.221.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	38.119.574	39.585.886
<b>Cộng</b>	<b><u>898.758.978</u></b>	<b><u>10.736.857.781</u></b>

##### 16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

##### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>213.847.018.998</i>	<i>215.865.420.390</i>
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre <sup>(i)</sup>	193.928.517.293	215.865.420.390
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre <sup>(ii)</sup>	19.918.501.705	-
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.997.436.637</i>	<i>5.314.436.637</i>
Vay Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre <sup>(iii)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay các cá nhân <sup>(iii)</sup>	997.436.637	4.314.436.637
<b>Cộng</b>	<b><u>215.844.455.635</u></b>	<b><u>221.179.857.027</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:
- Cầm cố trái phiếu tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a);
  - Thế chấp cổ phiếu của các khoản đầu tư dài hạn (xem thuyết minh số V.2b);
  - Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
  - Cầm cố toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (xem thuyết minh số V.7);
  - Thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre và toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.8b, V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh hàng tuần, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre (xem thuyết minh số V.8b).
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre, cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	215.865.420.390	260.877.903.597	(262.896.304.989)	213.847.018.998
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân	5.314.436.637	-	(3.317.000.000)	1.997.436.637
<b>Cộng</b>	<b>221.179.857.027</b>	<b>260.877.903.597</b>	<b>(266.213.304.989)</b>	<b>215.844.455.635</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

Số đầu năm	3.584.229.123
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	933.255.309
Chi quỹ trong kỳ	(3.509.128.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.008.356.432</b>

### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	280.344.917
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	158.588.976
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>438.933.893</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đậu Thị Thúy Mai	22.357.340.000	23.482.660.000
Ông Lê Văn Minh	10.250.000.000	10.250.000.000
Bà Lê Thị Trúc Linh	19.153.830.000	19.153.830.000
Ông Phạm Thứ Triệu	10.389.650.000	7.577.070.000
Các tổ chức và cá nhân khác	60.994.120.000	62.681.380.000
<b>Cộng</b>	<b><u>123.144.940.000</u></b>	<b><u>123.144.940.000</u></b>

##### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.314.494	12.314.494
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

##### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (8% mệnh giá - đã thực hiện tạm chia trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 10 năm 2018)	9.851.595.200
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	933.255.309

#### 21. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

#### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

##### 22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.560.451.600	3.091.546.500
Trên 1 năm đến 5 năm	12.534.580.644	12.084.132.026
Trên 5 năm	11.641.524.738	13.169.233.769
<b>Cộng</b>	<b><u>27.736.556.982</u></b>	<b><u>28.344.912.295</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Các khoản thanh toán tiền hợp tác kinh doanh ở trên bao gồm tổng số tiền thuê văn phòng và kho tại quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký với thời hạn 10 năm và có thể được gia hạn thêm.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tô Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội với giá thuê là 91.216.800 VND/tháng quy định tại Phụ lục hợp đồng số 04 ký ngày 11 tháng 5 năm 2019. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

### 22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	758,09	758,09
Euro (EUR)	723,87	201,77

### 22c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu Ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng – với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	318.777.091.876	332.813.463.875
Doanh thu bán thành phẩm	3.185.364.750	2.451.148.866
Doanh thu cho thuê mặt bằng	253.636.364	245.454.545
<b>Cộng</b>	<b><u>322.216.092.990</u></b>	<b><u>335.510.067.286</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết.

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	1.801.667.753	3.005.892.838
Hàng bán bị trả lại	1.410.987.269	740.026.343
Giảm giá hàng bán	27.829.874	26.152.563
<b>Cộng</b>	<b><u>3.240.484.896</u></b>	<b><u>3.772.071.744</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	242.119.997.628	254.529.826.557
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.564.976.400	1.621.738.300
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	97.457.382	17.992.316
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	1.198.013.653	1.291.292.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	153.948.530	852.367.917
<b>Cộng</b>	<b>245.134.393.593</b>	<b>258.313.217.904</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	99.924.022	336.569.499
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.500.000	1.690.780.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.020.512.802	742.879.770
Chiết khấu thanh toán	266.101.928	350.848.951
<b>Cộng</b>	<b>1.400.038.752</b>	<b>3.121.078.220</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.832.694.939	6.279.186.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	33.304.114	3.250.694.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	262.688.811	3.715.345
Chi phí tài chính khác	54.105.967	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.182.793.831</b>	<b>9.563.596.717</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.919.230.120	29.113.621.703
Chi phí vật liệu, bao bì	197.682.257	63.357.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.700.851	794.954.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.583.649.063	9.287.994.950
Các chi phí khác	4.794.512.492	3.957.760.881
<b>Cộng</b>	<b>43.300.774.783</b>	<b>43.217.689.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.530.924.979	7.763.655.995
Chi phí vật liệu quản lý	794.680.718	62.108.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.460.778	463.805.350
Thuế, phí và lệ phí	228.912.903	451.757.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.635.966.524	3.823.064.228
Các chi phí khác	71.238.237	2.958.062.210
<b>Cộng</b>	<b>15.665.184.139</b>	<b>15.522.453.524</b>

**8. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng khuyến mãi	712.973.792	480.212.594
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	117.909.096	105.227.281
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	78.669.850	605.000.000
Thu nhập khác	114.837.259	274.655.468
<b>Cộng</b>	<b>1.024.389.997</b>	<b>1.465.095.343</b>

**9. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	-	4.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	129.025.761
Khác	16.330.759	26.289.288
<b>Cộng</b>	<b>16.330.759</b>	<b>159.315.049</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.969.301.251	997.018.304
Chi phí nhân công	40.597.518.741	37.992.012.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.596.910.273	1.821.672.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.543.065.418	13.461.765.394
Chi phí khác	5.095.173.632	7.367.944.764
<b>Cộng</b>	<b>61.801.969.315</b>	<b>61.640.413.558</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	540.000.000	523.636.364
Trên 1 năm đến 5 năm	450.000.000	720.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>990.000.000</u></b>	<b><u>1.243.636.364</u></b>

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng công tác	-	1.500.000.000
Cổ tức được chia	-	721.875.000
<b>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tạm ứng	230.000.000	215.000.000
Cổ tức được chia	-	211.437.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.16a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	969.634.597	658.467.448
Phụ cấp	792.259.273	1.319.000.000
Tiền thưởng	543.040.000	1.337.764.250
<b>Cộng</b>	<b><u>2.304.933.870</u></b>	<b><u>3.315.231.698</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuê mặt bằng	392.547.863	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	36.259.218	-

Giá bán hàng hóa cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5b, V.12a và V.12b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. **Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất quy mô nhỏ, doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu).

### 4. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 4a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.343.173.129	-	-	12.343.173.129
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.135.860.204	-	-	17.135.860.204
Phải thu khách hàng	82.843.512.912	43.737.566.729	131.983.795	126.713.063.436
Các khoản phải thu khác	14.149.883.439	-	-	14.149.883.439
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	-	66.710.000
<b>Cộng</b>	<b>126.539.139.684</b>	<b>43.737.566.729</b>	<b>131.983.795</b>	<b>170.408.690.208</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.241.693.134	-	-	14.241.693.134
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.257.271.233	-	-	17.257.271.233
Phải thu khách hàng	93.065.527.545	43.962.371.988	131.983.795	137.159.883.328
Các khoản phải thu khác	16.494.356.541	-	-	16.494.356.541
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	-	66.710.000
<b>Cộng</b>	<b>141.125.558.453</b>	<b>43.962.371.988</b>	<b>131.983.795</b>	<b>185.219.914.236</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quá hạn dưới 6 tháng	32.868.182.668	35.488.639.718
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	8.728.747.479	2.754.555.948
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.080.636.214	4.653.635.867
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	601.251.583	829.759.958
Quá hạn trên 3 năm	458.748.785	235.780.497
<b>Cộng</b>	<b>43.737.566.729</b>	<b>43.962.371.988</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán	109.097.876.044	14.298.711.637	123.396.587.681
Vay và nợ	215.844.455.635	-	215.844.455.635
Các khoản phải trả khác	2.008.130.524	93.000.000	2.101.130.524
<b>Cộng</b>	<b>326.950.462.203</b>	<b>14.391.711.637</b>	<b>341.342.173.840</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	118.784.185.282	9.922.703.232	128.706.888.514
Vay và nợ	221.179.857.027	-	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	12.667.893.182	93.000.000	12.760.893.182
<b>Cộng</b>	<b>352.631.935.491</b>	<b>10.015.703.232</b>	<b>362.647.638.723</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	758,09	723,87	758,09	201,77
Phải trả người bán	(38.520,00)	(1.616.589,60)	(169.888,50)	(1.760.835,12)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(37.761,91)</b>	<b>(1.615.865,73)</b>	<b>(169.130,41)</b>	<b>(1.760.633,35)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	34.898.070	34.148.955
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	16.635.860.204	17.180.771.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	76.500.000
Tiền ký quỹ tại ngân hàng và các tổ chức khác	8.596.550.695	11.027.227.048
Khoản phải thu khách hàng	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.267.308.969</b>	<b>98.318.647.236</b>

Công ty thế chấp các tài sản tài chính này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành chứng thư bảo lãnh.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.343.173.129	-	14.241.693.134	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.135.860.204	-	17.257.271.233	-
Phải thu khách hàng	126.713.063.436	(131.983.795)	137.159.883.328	(131.983.795)
Các khoản phải thu khác	14.149.883.439	-	16.494.356.541	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	66.710.000	-
<b>Cộng</b>	<b>170.408.690.208</b>	<b>(131.983.795)</b>	<b>185.219.914.236</b>	<b>(131.983.795)</b>

##### Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	123.396.587.681	128.706.888.514
Vay và nợ	215.844.455.635	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	2.101.130.524	12.760.893.182
<b>Cộng</b>	<b>341.342.173.840</b>	<b>362.647.638.723</b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kê toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	47.144.486.102	182.240.430.861
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	7.137.600.287	7.137.600.287
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(1.520.304.507)	(1.520.304.507)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(18.471.741.000)	(18.471.741.000)
Số dư cuối kỳ trước	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	34.290.040.882	169.385.985.641
Số dư đầu năm nay	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	35.965.951.570	171.061.896.329
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	7.780.267.172	7.780.267.172
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(933.255.309)	(933.255.309)
Số dư cuối kỳ này	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	42.812.963.433	177.908.908.192

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập



Nguyễn Thế Quốc Uy  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

